

Số: /KH-UBND

Quý Lộc, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn xã Quý Lộc năm 2026

Thực hiện Công văn số 17710/UBND-CNXXDKH ngày 13/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc giao xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026.

UBND xã Quý Lộc xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 với những nội dung cụ thể như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG NĂM 2025

Từ ngày 01/7/2025 xã Quý Lộc được thành lập trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã, thị Trấn, đó là xã Yên Thọ, Thị Trấn Yên Lâm, Thị Trấn Quý Lộc, thành xã Quý Lộc.

Trên cơ sở kết quả chuyển đổi số đã được trong thời gian vừa qua của các xã, Thị Trấn trước đây, UBND xã tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; chủ động xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, số 285-KH/TU ngày 27/6/2025 về thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Việc chuyển đổi các hoạt động quản lý nhà nước từ phương thức truyền thống sang ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ văn bản giấy sang môi trường số được đẩy mạnh và đạt kết quả bước đầu rất đáng trân trọng; nhiều sản phẩm, dịch vụ thiết thực được đưa ra phục vụ kịp thời, hiệu quả người dân, doanh nghiệp.

Cơ sở hạ tầng viễn thông được đầu tư theo hướng đồng bộ; mạng truyền dẫn băng thông rộng và mạng di động 4G, 5G đã phủ sóng đến 25/25 thôn trên địa bàn

toàn xã; công nghệ số đã và đang được áp dụng trong nhiều ngành, lĩnh vực, rõ nét nhất là trong các ngành tài chính, ngân hàng, thuế, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế.

Các cơ sở dữ liệu tạo nền tảng cho Chính quyền số được đẩy mạnh triển khai đồng bộ, Dịch vụ công trực tuyến được triển khai ngày càng hiệu quả, sâu rộng, cung cấp 399 dịch vụ công trực tuyến tại Trung tâm phục vụ Hành chính công phục vụ các cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Việc phát triển kinh tế số, xã hội số được quan tâm, nhiều doanh nghiệp tích cực tham gia Chuyển đổi số. Thuế điện tử, hóa đơn điện tử được phổ cập. Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 100%. Người dân tích cực sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

Hoạt động Chuyển đổi số đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về nâng cao nhận thức

Nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức về công nghệ số, kỹ năng số cho cán bộ công chức, thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã, bám sát các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thanh Hóa, hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, UBND xã Quý Lộc đã đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Công tác tuyên truyền, vận động đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được chú trọng, thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn với các hình thức đa dạng, nội dung phong phú như: lồng ghép phổ biến nội dung tại các cuộc họp, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng các chương trình chuyên mục trên Trang thông tin điện tử, bản tin truyền thanh, các pa nô, áp phích, trên các nền tảng mạng xã hội như Zalo, facebook Qua công tác tuyên truyền, vận động, đã tạo được nhận thức sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về tầm quan trọng của chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã.

Đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Trung tâm học tập công đồng, tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức, tập huấn kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ công chức, Thành viên tổ công nghệ số cộng đồng, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã: Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số cho Thành viên tổ công nghệ số cộng đồng, lực lượng nòng cốt Đoàn Thanh niên; cung cấp chữ ký điện tử, Tạo tài khoản thanh toán điện tử, tạo lập ứng dụng bảo vệ người dân trên môi trường mạng, thực hiện các thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công của tỉnh.

Chỉ đạo Trung tâm cung ứng dịch vụ công xây dựng tin bài và mở chuyên mục về chuyển đổi số trên Đài Truyền thanh, Trang TTĐT xã để thực hiện công tác tuyên truyền các kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số.

2. Về hoàn thiện chính sách, quy định cho chuyển đổi số

Triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của các cấp, các ngành liên quan đến công tác chuyển đổi số; ban hành các văn bản tạo hành lang pháp lý nhằm thúc đẩy chuyển đổi số.

a) Hạ tầng viễn thông, Internet

- Hạ tầng viễn thông, Internet trên địa bàn xã được các doanh nghiệp viễn thông đầu tư mở rộng mạng lưới với công nghệ hiện đại phục vụ đến tất cả các khó khăn, góp phần quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy Đảng, Chính quyền phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn cũng như nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân trên địa bàn xã.

- Đến nay, trên địa bàn xã có đường cáp quang, 100% hộ dân có sóng điện thoại (không có vùng lõm), chất lượng dịch vụ viễn thông, internet băng rộng được nâng lên đáp ứng được nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành và nhu cầu hưởng thụ dịch vụ của người dân.

b) Hạ tầng CNTT:

- Cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin trên địa bàn xã từng bước phát triển, đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ kịp thời người dân và doanh nghiệp.

- Tại công sở xã 100% máy tính đều được kết nối hệ thống mạng Internet băng thông rộng, UBND xã đã triển khai lắp đặt hệ thống mạng LAN, mạng truyền số liệu chuyên dùng, được nâng cấp, bảo trì thường xuyên, việc truy cập Internet luôn được thông suốt.

- Hạ tầng kỹ thuật tại cơ quan đã đầy đủ, trang thiết bị cho cán bộ đã đồng bộ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, thuận lợi cho việc triển khai các ứng dụng mới và kết nối, liên thông dữ liệu. 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính (01 máy tính/01 cán bộ công chức), đảm bảo cho công tác chuyên môn, tham mưu văn bản điện tử và tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng; 100% máy tính của CBCC trên địa bàn xã được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền của cơ quan hoặc của cá nhân đầu tư cài đặt.

- Về hạ tầng mạng nội bộ (LAN): Trang thiết bị mạng nội bộ của xã đã thông suốt đến tất cả các máy tính của cán bộ trong cơ quan, đảm bảo đường truyền tốt không bị nghẽn.

- Duy trì hiệu quả hoạt động điểm cầu họp trực tuyến giúp tiết kiệm về mặt thời gian và chi phí hành chính.

3. Về phát triển dữ liệu số

- Triển khai thực hiện kết nối chính Cổng dịch vụ công; hệ thống một cửa điện tử tỉnh Thanh Hóa với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Bộ Nội vụ, việc kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Triển khai việc khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD gắn chip để thay thế thẻ BHYT, Thực hiện chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn, chuẩn hóa, làm sạch và cập nhật thông tin dữ liệu trẻ em, thực hiện rà soát và làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; dữ liệu về đất đai; cập nhật, số hóa thông tin của hồ sơ cán bộ, công chức và đồng bộ với CSDL quốc gia (đang thực hiện dự kiến trong năm 2025 thực hiện 100%), và thực hiện liên thông giấy khám sức khỏe cho người lái xe.

4. Kết quả triển khai chuyển đổi số xây dựng chính quyền số

- 100% CBCC được cùng cấp tài khoản, được kết nối, sử dụng Hệ thống TD-Office phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- 100% Lãnh đạo, cán bộ, công chức, tạo lập, trao đổi, xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, sử dụng Thư điện tử công vụ, phần mềm Theo dõi nhiệm vụ.

- 100% Lãnh đạo, cán bộ, công chức xã được Ban cơ yếu Chính phủ cấp chứng thư số phục vụ ký số hồ sơ, văn bản điện tử trên môi trường mạng.

- 100% các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý trên hệ thống một cửa điện tử; thực hiện vượt chỉ tiêu tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến mức toàn trình và một phần theo chỉ tiêu giao hàng năm của UBND tỉnh.

- 100% văn bản được xử lý trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật); 100% văn bản phát hành được ký số theo quy định.

- Sử dụng hiệu quả hệ thống phòng họp trực tuyến phục vụ các cuộc họp liên thông ba cấp.

- Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung do các Bộ, ngành triển khai, như: Phần mềm Hộ tịch, Lý lịch tư pháp, Cổng dịch vụ công quốc gia, phần mềm Quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; Phần mềm Quản lý thông tin báo chí; Phần mềm Đăng nhập một lần của tỉnh; Hệ thống tài chính - Kế hoạch Tabmis, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý nhân sự...

5. Về phát triển kinh tế số

- UBND xã Quý Lộc xây dựng kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã Quý Lộc năm 2025; thúc đẩy phát triển thương mại điện tử dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử trên địa bàn xã Quý Lộc năm 2025; Phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn xã Quý Lộc giai đoạn 2026 – 2030.

- Đẩy mạnh công tác Tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng, doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Tổ chức hội nghị hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể lựa chọn các sản phẩm nông sản, các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, sản phẩm OCOP, các sản phẩm đặc thù của địa phương để quảng bá, tiếp thị và bán hàng trên các sàn thương mại điện tử như : Voso.vn; postmark.vn, nongsanhanhhoa.vn.... mạng xã hội như zalo, facebook...; Hội nghị thúc đẩy nền tảng số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Triển khai các công nghệ về truy xuất nguồn gốc, gắn với các sản phẩm, cây trồng, vật nuôi của người dân và các sản phẩm OCOP.

6. Về phát triển xã hội số

Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tập huấn, đào tạo kỹ năng số cơ bản chuyển đổi số; sử dụng tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác; sử dụng điện thoại thông minh phục vụ chuyển đổi số; sử dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân, chuyển đổi số trong trường học. Kết quả:

- 100% trường Tiểu học đến Trung học cơ sở trên địa bàn xã hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở; cài đặt các ứng dụng vnEdu Teacher, vnEdu Connect để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh cập nhật thông tin, tương tác giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- 100% cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Trên 75% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Trên 70% thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản.

- Trên 75% tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- Trên 80% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, được cập nhật, bổ sung thông tin thường xuyên.

- Trên 65% hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Trên 15% dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa qua các kênh như: Điện thoại, Zalo, Facebook, các nền Danh y, eDoctor, VOV Bacs24; Ivie - Bác sĩ ời,.

7. Về bảo đảm an toàn, an ninh mạng

UBND xã Quý Lộc đã giao cho văn Phòng HĐND-UBND phối hợp với Công an xã, viễn thông xây dựng và triển khai thực hiện phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hướng dẫn của Công an tỉnh Thanh Hoá như: niêm phong các thiết bị đầu vào tại Trung tâm phục vụ hành chính công; Quy hoạch tên máy, địa chỉ IP gắn liền với cán bộ, công chức trong đơn vị; phân vùng địa chỉ IP gắn với thiết bị trong hệ thống như: camera, các thiết bị wifi...; thay đổi mật khẩu tối thiểu 03 lần/tháng; các tài khoản đăng nhập các hệ thống phải được đăng xuất khi không sử dụng. Thực hiện các biện pháp mã hóa đối với các tài khoản, mật khẩu được lưu trữ trên thiết bị; phối hợp với các đơn vị cung cấp đường truyền Internet tại đơn vị để thiết kế, chuẩn hóa lại mô hình mạng theo Hồ sơ cấp độ được phê duyệt; Cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung của tỉnh và thiết lập chế độ tự động cập nhật...Xây dựng các phương án phương án ứng cứu, xử lý sự cố, đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống thông tin phục vụ hoạt động nội bộ cơ quan, đơn vị được đảm bảo theo quy định.

8. Về phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Nhân lực số là một trong những yếu tố quyết định đến thành công của quá trình chuyển đổi số trên địa bàn xã. Nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của lãnh đạo và cán bộ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số; phổ cập kỹ năng số cho các đối tượng tham gia vào quá trình chuyển đổi số; nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Đã thành lập 25/25 Tổ công nghệ số cộng đồng với 111 thành viên.

- Đăng ký cho cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng tập huấn chuyển đổi số năm 2025 tập huấn tại Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông của tỉnh Thanh Hoá.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

- Luật An toàn thông tin mạng 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia - Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/3/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 29/4/2020 của Chính phủ về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035

- Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án giám sát an toàn thông tin mạng phục vụ Chính phủ điện tử; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số Quốc gia;

- Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 11/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025-2030;

- Công văn số 5511/BKH-CN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026;

- Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026;

- Quyết định số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0; Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thanh Hóa (phiên bản 1.0);

- Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021- 2025;

- Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 01/01/2022 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025;

- Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 01/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tập trung chỉ đạo đổi mới quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết TTHC chuyển từ môi trường làm việc giấy sang làm việc trên môi trường điện tử trong các cơ quan nhà nước;

- Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, thúc đẩy phát triển chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa;

- Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh đảm bảo an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 24/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 20/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 29/4/2020 của Chính phủ về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 22/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025;

- Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 21/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về truyền thông thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-TU về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Chương trình số 54/CTr-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 285-KH/TU ngày 27/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương;

- Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

- Công văn số 17710/UBND-CNXDKH ngày 13/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc giao xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục duy trì và hoàn thiện hạ tầng, phát triển các hệ thống thông tin, dữ liệu mở, CSDL dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính quyền số bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Hạ tầng số

- Phổ cập mạng cáp quang đến 100% các hộ gia đình.

- Mở rộng vùng phủ sóng 5G đạt tỷ lệ 80% trên địa bàn xã trong đó ưu tiên phát triển tại trung tâm hành chính, khu dân cư, khu du lịch và phân đầu số trạm 5G phát sóng trong năm 2025 đạt tối thiểu 50% so với số lượng trạm 4G đã phát sóng.

- Tốc độ tải xuống trung bình của mạng băng rộng di động: tối thiểu 40 Mbit/s cho mạng 4G và 100 Mbit/s cho mạng 5G tại các khu vực phủ sóng dịch vụ (kết quả đo kiểm bằng ứng dụng i-Speed tại các địa phương).

- Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s đạt 60%.

- Hệ thống thông tin tại các cơ quan Khối Đảng, Chính quyền và MTTQ của xã được triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đủ năng lực kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Ứng dụng công nghệ blockchain trong các ngành, lĩnh vực như tài chính - ngân hàng, giao thông - vận tải, y tế, giáo dục và đào tạo, thương mại, du lịch, nông nghiệp, cung cấp dịch vụ công và các lĩnh vực khác.

2.2. Ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước

- Tiếp tục duy trì đảm bảo 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường mạng (trừ văn bản có hồ sơ mật theo quy định).

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- 100% cán bộ, công chức được tham gia các khóa học về chuyển đổi số trên nền tảng đào tạo trực tuyến đại trà.

2.3. Ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% các TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ quốc gia và được cung cấp trên các phương tiện truy cập khác nhau.

- 100% người dân và doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất.

- 100% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

- Bảo đảm cung cấp 399 dịch vụ công trực tuyến với số lượng hồ sơ trung bình của mỗi dịch vụ công phát sinh ít nhất 10 hồ sơ/năm (*không áp dụng chỉ tiêu này đối với những thủ tục hành chính có tần suất thấp, đối tượng tuân thủ và thuộc những lĩnh vực đặc thù*).

- 20% TTHC của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.

- Bố trí trụ sở, trang cấp thiết bị, phân công lãnh đạo, nhân lực, hệ thống hạ tầng mạng; thiết lập và vận hành ổn định Trung tâm phục vụ hành chính công của xã theo mô hình chính quyền mới, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên tục, không gián đoạn.

2.4. Phát triển Kinh tế số

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 80%.

2.5. Thúc đẩy xây dựng Xã hội số

- 100% người dân được hướng dẫn đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng
- Trung bình mỗi người dân có 01 kết nối Internet vạn vật (IoT-Internet of Things).
- Tỷ lệ dân số trưởng thành (từ 18 tuổi trở lên) có tài khoản định danh điện tử đạt trên 90%.
- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử.
- 70% người dân sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.
- Trường Tiểu học, THCS được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho học sinh để tham gia môi trường mạng an toàn.

2.6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, trọng tâm là bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp, trong đó:
 - Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, gán nhãn tín nhiệm mạng trên trang thông tin điện tử.
 - Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo quy định.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ và tình hình thực tế của địa phương để tham mưu ban hành Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026 bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân địa phương.
- Chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về phát triển khoa học – công nghệ, chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số; chủ động thí điểm triển khai sáng kiến mới tại cơ quan, địa phương.

2. Thẻ chế số

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện và ban hành kịp thời các văn bản pháp luật theo quy định nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại văn bản, kế hoạch của tỉnh và của xã

- Định kỳ sơ kết tình hình thực hiện kế hoạch

3. Hạ tầng số

3.1. Phát triển Hạ tầng viễn thông và Internet

a) Phát triển, mở rộng hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao, độ trễ thấp đến các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp, trường học, các khu du lịch...; đặc biệt là tại các địa điểm chưa có hạ tầng mạng, sẵn sàng kết nối mạng cáp quang băng rộng đến 100% hộ gia đình có nhu cầu.

b) Đầu tư mở rộng hạ tầng băng rộng di động 5G tại các khu vực trọng điểm: khu vực hành chính công; khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch trọng điểm; cơ sở y tế; đầu mối giao thông; dọc tuyến đường bộ, đường sắt ...; các khu dân cư; khu vực tập trung đông dân cư; Karaoke, nhà nghỉ...

c) Tăng cường chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật dùng chung, hạ tầng mạng dùng chung giữa các doanh nghiệp viễn thông để mở rộng vùng phủ sóng mạng di động 4G, 5G cũng như giảm thiểu chi phí đầu tư, bảo đảm mỹ quan khu dân cư và an toàn cho người dân.

3.2. Phát triển Hạ tầng dữ liệu

Đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT để kết nối thông suốt Trung tâm dữ liệu của tỉnh ứng dụng công nghệ điện toán đám mây; các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của các cơ quan, đơn vị theo công nghệ điện toán đám mây nhằm khai thác CSDL phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền cho người dân, doanh nghiệp.

3.3. Phát triển Hạ tầng vật lý - số

a) Nâng cấp, xây dựng hệ thống thông tin tại UBND đáp ứng các yêu cầu theo Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; đồng thời đủ năng lực kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng theo Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiếp tục bảo đảm an toàn thông tin mạng phục vụ cung cấp hạ tầng dùng chung; tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, khai thác, chia sẻ, phân tích và điều phối dữ liệu.

c) Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

d) Thúc đẩy phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn trên địa bàn xã như y tế thông minh, giáo dục thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh... để nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế.

e) Tận dụng cơ sở hạ tầng mạng di động 4G, 5G cho các giải pháp IoT, khai thác sức mạnh của điện toán đám mây và tích hợp các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI) để phát triển các ngành tiêu thủ công nghiệp.

3.4. Phát triển Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ

a) Tiếp tục xây dựng và ứng dụng có hiệu quả các nền tảng số như: tài khoản định danh điện tử; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số. Quản lý, tích hợp, chia sẻ CSDL quốc gia như: CSDL quốc gia về dân cư, CSDL căn cước công dân, CSDL quốc gia về xuất nhập cảnh và CSDL chữ ký số để cung cấp dịch vụ xác thực điện tử, khẳng định giá trị sử dụng của tài khoản định danh điện tử.

b) Ứng dụng các nền tảng cung cấp công nghệ số như dịch vụ sử dụng ít dữ liệu hơn, cần ít sức mạnh tính toán hơn và tiêu thụ ít năng lượng hơn, cung cấp công nghệ AI, blockchain, IoT như dịch vụ.

c) Sử dụng dịch vụ công nghệ AI, blockchain, IoT để thông minh hoá, tự động hóa các hoạt động kinh tế, xã hội.

d) Phát triển, ứng dụng công nghệ blockchain

- Nghiên cứu, đề xuất tham gia các hoạt động xây dựng, hình thành Hạ tầng blockchain; xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng và phát triển nền tảng quản trị, vận hành hạ tầng blockchain trên địa bàn xã.

- Nghiên cứu, đề xuất tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ blockchain trong an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước (BMNN), bí mật quân sự trên địa bàn xã.

- Nghiên cứu, tham mưu các giải pháp để đẩy mạnh tích hợp, ứng dụng công nghệ blockchain, đồng thời phát huy vai trò của blockchain trong việc thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ, giảm chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả các hoạt động phối hợp liên thông và xây dựng các nền tảng, dịch vụ công nghệ số tin cậy trên địa bàn xã. Đề xuất các giải pháp để tham gia xây dựng chính sách thúc đẩy các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp phát triển và ứng dụng blockchain

thông qua việc ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ được ứng dụng và phát triển công nghệ blockchain được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trên địa bàn xã.

- Triển khai đầy đủ các nội dung về ứng dụng công nghệ blockchain trong chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ blockchain trong hoạt động của các cơ quan quản lý cũng như sản xuất kinh doanh, truy xuất nguồn gốc của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã.

4. Dữ liệu số

- Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện kế hoạch của tỉnh về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây phù hợp với từng cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.

- Bổ sung, điều chỉnh, nâng cao trọng số của chỉ số đánh giá ứng dụng công nghệ điện toán đám mây vào bộ chỉ số Chuyển đổi số (DTI) của tỉnh để nâng cao kết quả ứng dụng công nghệ điện toán đám mây trên địa bàn xã hàng năm

- Thực hiện và duy trì việc kết nối chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và người dân để duy trì và phát triển dữ liệu tạo thành Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng, hoàn thiện các CSDL phục vụ chuyển đổi số và thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu; trước hết, tập trung triển khai phát triển dữ liệu trong các lĩnh vực: nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, văn hóa, du lịch...

- Chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan để bảo vệ dữ liệu, quyền lợi người sử dụng và ứng phó, xử lý ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật sử dụng các hệ thống, dịch vụ điện toán đám mây.

- Tăng cường triển khai thử nghiệm, diễn tập an toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho các hệ thống, dịch vụ điện toán đám mây.

5. Nền tảng số

- Nghiên cứu, triển khai và sử dụng các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các CSDL quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử.

- Triển khai ứng dụng Nền tảng Trợ lý ảo, trí tuệ nhân tạo (AI) thuộc 03 nhóm: Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức; Trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Trợ lý ảo phục vụ người dân.

6. Nhân lực số

- Phối hợp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức; người dân về chuyển đổi số để thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong đó chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng CNTT và an toàn thông tin.

- Tổ chức hội nghị về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin.

7. An toàn thông tin mạng

7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định (Tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2).

- Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành.

7.2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức

- Duy trì các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

7.3. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể: hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

7.4. Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia.

- Phối hợp thực hiện giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát

hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

8. Chính quyền số

- Triển khai các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

- Triển khai ứng dụng các công nghệ số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối...vào phát triển Chính quyền số trên địa bàn xã.

- Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT). Rà soát thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các DVCTT thiết yếu, nhiều người dùng.

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

9. Kinh tế số

- Triển khai hỗ trợ đưa các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, sản phẩm Ocop lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn theo Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Triển khai hỗ trợ công nghệ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 28/3/2023 của UBND.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp được tiếp cận các chương trình, nội dung về chuyển đổi số cho doanh nghiệp do Sở Khoa học và Công nghệ triển khai, cũng như các nội dung, nhiệm vụ mà Chủ tịch UBND tỉnh đã giao tại Chương trình số 54/CTr-UBND ngày 03/3/2022 để đạt mục tiêu 30% doanh nghiệp được sử dụng nền tảng số phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ và nâng cao chất lượng việc chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực để nâng cao năng suất lao động, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh để góp phần tăng trưởng chỉ số GRDP trên địa bàn xã.

10. Xã hội số

- Triển khai thực hiện đảm bảo các mục tiêu về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và cơ sở y tế tại địa phương đạt 100% theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 12/4/2022 về triển khai đề án không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai các chương trình: Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh; Mỗi hộ gia đình có một đường Internet cáp quang băng rộng; Mỗi người dân có một danh tính số; Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số; Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến; Mỗi người dân có một chữ ký số cá nhân; Mỗi người dân có một phần mềm bảo vệ an toàn thông tin mạng cơ bản; Mỗi người dân có kỹ năng số cơ bản, do UBND tỉnh xây dựng.

- Tiếp tục triển khai hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng, hướng tới hiệu quả; trong đó tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Mua sắm trực tuyến; (3) Thanh toán trực tuyến; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Ngoài ra, hướng dẫn thêm kỹ năng số cơ bản khác như sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực: (1) Nông nghiệp, (2) Du lịch, (3) Y tế, (4) Giáo dục, (5) văn hóa...

- Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm.

- Thực hiện chuyển đổi số trong trường học thuộc phạm vi quản lý. Trước hết, là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*”.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính, hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức và nhân dân. Thực hiện đa dạng hóa hình thức thông tin tuyên truyền như: xây dựng chuyên mục, phóng sự, hội thảo, hội nghị, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

3. Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

4. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp; tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số...

5. Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển Chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số TTHC, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

6. Chuẩn hóa kiến thức theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ kiêm nhiệm về CNTT do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

7. Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp Viễn thông, CNTT; Sở Khoa học – Công nghệ để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao, chuyên sâu về kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá – Xã hội

Là bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số, có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các phòng, trung tâm cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; báo cáo UBND xã, chủ tịch UBND xã kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn xã (định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất).

2. Trung tâm phục vụ hành chính công

- Tham mưu cho UBND xã triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của UBND xã, Chủ tịch UBND xã.

- Duy trì, phát triển Hệ thống thông tin báo cáo bảo đảm kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động Công Thông tin điện tử, Hệ thống giải quyết TTHC, Hệ thống thư điện tử...

- Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hoá – Xã hội triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước.

- Bổ sung việc đánh giá về chuyển đổi số vào việc xem xét thi đua, khen thưởng hàng năm đối với các tập thể, cá nhân

3. Phòng Kinh tế - Hạ tầng.

- Phối hợp với phòng Văn hóa và Thông tin thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các kế hoạch tỉnh đã ban hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số, đưa các sản phẩm nông nghiệp của bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

- Chủ động tham mưu cho UBND xã nguồn kinh phí thực hiện nội dung chuyển đổi số hàng năm theo quy định.

4. Công an xã

Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06 trên địa bàn xã; tham mưu xây dựng và triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ được Công an tỉnh phê duyệt.

5. Đài truyền thanh xã

Chủ trì, phối hợp với các phòng, trung tâm cơ quan, đơn vị liên quan triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Trang thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp khác để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của UBND xã Quý Lộc, yêu cầu các tập thể, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ và nội dung kế hoạch triển khai thực hiện./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (để Báo cáo);
- TTr: Đảng uỷ, HĐND xã (để Báo cáo);
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể (phối hợp);
- Chủ tịch UBND xã (để Báo cáo);
- Các phòng, trung tâm (th/h);
- Các đơn vị trên địa bàn xã (th/h);
- Các doanh nghiệp trên địa bàn xã (th/h);
- Các doanh nghiệp viên thông (ph/h);
- Các thôn (th/h);
- Lưu: VT, VHXXH.

Nguyễn Thọ Chân